

GIÁO DỤC KHOA CỬ NHO HỌC VÀ CHÍNH SÁCH THU HÚT NHÂN TÀI THỜI LÊ THÁNH TÔNG

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
Email:ntvan2002hn@yahoo.com

Tóm tắt: Lê Thánh Tông là vị vua anh minh, chăm học, cần mẫn và có tài trong công việc triều chính. Lê Thánh Tông đóng vai trò quan trọng đưa đất nước Việt Nam nửa cuối thế kỉ XV vào thế ổn định, có kỉ cương, luật pháp. Ông không chỉ là một nhà vua giỏi, nhà chính trị tài ba, giữ vị trí hàng đầu trong công cuộc xây dựng, củng cố nhà nước phong kiến Việt Nam mà còn là một nhà văn hóa lớn của dân tộc; nhà văn, nhà thơ tài năng, có công lao to lớn trong công cuộc giáo dục và đào tạo nhân tài cho đất nước. Trong sự nghiệp chính trị của mình, Lê Thánh Tông là người đã đưa giáo dục thành nề nếp, quy củ và lấy đỗ trên 500 vị tiến sĩ - một kỉ lục chưa từng thấy dưới các triều đại phong kiến Việt Nam. Tác giả bài viết đề cập đến giáo dục khoa cử Nho học và những chính sách thu hút nhân tài thời Lê Thánh Tông.

Từ khóa: Giáo dục khoa cử; Nho học; chính sách; thu hút; nhân tài; Lê Thánh Tông.

(Nhận bài ngày 28/9/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 10/10/2017; Duyệt đăng ngày 25/10/2017).

1. Đặt vấn đề

Lê Thánh Tông là vị vua anh minh, chăm học, cần mẫn và có tài trong công việc triều chính, Lê Thánh Tông đóng vai trò quan trọng đưa đất nước Việt Nam nửa cuối thế kỉ XV vào thế ổn định, có kỉ cương, luật pháp. Ông không chỉ là một nhà vua giỏi, nhà chính trị tài ba, giữ vị trí hàng đầu trong công cuộc xây dựng, củng cố nhà nước phong kiến Việt Nam mà còn là một nhà văn hóa lớn của dân tộc; nhà văn, nhà thơ tài năng, có công lao to lớn trong công cuộc giáo dục và đào tạo nhân tài cho đất nước. Trong sự nghiệp chính trị của mình, Lê Thánh Tông là người đã đưa giáo dục thành nề nếp, quy củ và lấy đỗ trên 500 vị Tiến sĩ - một kỉ lục chưa từng thấy dưới các triều đại phong kiến Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu đề cập đến giáo dục khoa cử Nho học và những chính sách thu hút nhân tài thời Lê Thánh Tông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sơ lược giáo dục Nho học Việt Nam và giáo dục khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông

Nho giáo ra đời ở Trung Quốc từ thời cổ đại, do Khổng Tử (551 - 479 trước công nguyên) sáng lập. Nho giáo du nhập vào Việt Nam từ trước công nguyên. Trong quá trình hình thành và phát triển của xã hội Việt Nam, nho giáo đã từng bước thâm nhập vào xã hội Việt Nam. Nho giáo vào Việt Nam từ thế kỉ II trước công nguyên và việc truyền bá Nho giáo cũng tương đối tập trung, ổn định. Thời kì này, Nho giáo chưa có đóng góp gì đáng kể, chưa thực sự đi sâu vào đời sống xã hội con người Việt Nam. Nho giáo chỉ là công cụ xâm lược, thống trị, đô hộ của các thế lực xâm lược phương Bắc và trở thành phương tiện trong việc đồng hóa nền văn hóa nước ta, đồng thời biến nước ta thành các quận, huyện của Trung Quốc. Năm 938, Việt Nam giành được độc lập, Nho giáo mới có điều kiện phát triển. Dưới triều Ngô (938 - 965), triều Lí (1010 - 1225), Trần (1226 - 1400), Hồ (1400 - 1407), chế độ quân chủ tập quyền đã được xác lập và phát triển

trên nền tảng của một nền kinh tế xã hội nông nghiệp với một quá trình phong kiến xã hội còn thấp. Do vậy, Nho giáo thời kì này chưa có đóng góp gì đáng kể.

Thế kỉ XI, vương triều Lí được thành lập, là vương triều đầu tiên trong số các vương triều lớn của Việt Nam, kéo dài hơn hai trăm năm. Triều đại Lí đã mang lại cho Việt Nam khung chính trị, hành chính và quân sự vững chắc mà Việt Nam chưa từng có và đưa nước ta thành một quốc gia có khả năng chống trả các vụ xâm lược từ Trung Quốc thì việc xây dựng, củng cố, duy trì chế độ phong kiến và một bộ máy nhà nước phong kiến trung ương tập quyền cao đã trở thành một nhu cầu cấp bách, một xu thế phát triển tất yếu của xã hội Việt Nam. Do vậy, giai cấp phong kiến đã lựa chọn và sử dụng Nho giáo với tư cách hệ tư tưởng, công cụ thống trị và quản lí xã hội. Đây là sự lựa chọn của triều đại phong kiến nhà Lí. Để đảm bảo thành công của công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, con đường khoa cử Nho học đã mở ra từ thời Lí nhưng giáo dục Nho học thời Lí chưa chú trọng vào việc đào tạo và tổ chức bộ máy quan liêu bằng Nho học và thông qua bằng thi cử.

Thời Trần (1226 - 1400), Trần Anh Tông lên ngôi năm 1293, có thể nói ông là ông vua đầu tiên dùng Nho sĩ vào các chức vụ quan trọng trong triều đình như chức Đại hành khiển Tham tri chính sự, là ngôi Tể tướng thứ hai của triều đình. Trần Anh Tông đã tổ chức các kì thi có quy mô lớn, lấy khoảng 44 Thái học sinh, trong đó có Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn. Từ đời vua Trần Anh Tông vị trí nhà nho và nhà sư đã bắt đầu có sự chuyển đổi. Nhà sư thời kì này dường như không được tín nhiệm như các đời vua trước. Từ cuối thời Trần, Nho giáo mạnh lên, tổ chức Nho học phát triển, tiêu biểu là hai trường học ở Kinh đô Thăng Long và phủ Thiên Trường. Các khoa thi Thái học sinh làm tăng số lượng trí thức Nho học. Nho giáo đã dần dần lấn át Phật giáo. Đến triều Trần Minh Tông, nho thần đã



rất đông đảo, vai trò quý tộc, nhà sư có sự thu hẹp nhưng cũng chưa mất thế chi phối triều đình.

Sang thời Hồ (1400 - 1407), Nho giáo vượt lên các học thuyết khác với sự hỗ trợ tích cực của nhà nước. Ngay từ khi làm quan nhà Trần, Hồ Quý Ly đã có ý thức xây dựng và cải biến trong lĩnh vực tư tưởng và học thuật theo định hướng Nho giáo. Sau khi giành ngôi vua, ông đã thực sự “chiêu hiền đãi sĩ”. Những Thái học sinh không được triều Trần dùng như Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Hán Anh... đều được Hồ Quý Ly trọng dụng. Tổ chức học tập, cải cách giáo dục, cải cách xã hội, trong đó tiếp tục chính sách, hạn điền hạn nô nhằm đánh vào chế độ điền trang thái ấp sản phẩm của triều Trần, nhằm tập trung quyền lực cho Nhà nước tập quyền nhà Hồ. Đó cũng là điều kiện xã hội cho sự phát triển của Nho giáo, thu hẹp sự hoạt động của Phật giáo và Đạo giáo. Hồ Quý Ly là người theo Nho học, đã từng viết sách *Minh Đạo*, bàn luận các vấn đề tư tưởng Nho giáo, dịch thiên *Vô dật* trong *Kinh Thư* ra quốc âm để dạy vua học. Năm Canh Thìn, niên hiệu Thánh Nguyên thứ nhất (1400), ngay sau khi lên ngôi, Hồ Quý Ly đã mở khoa thi Thái học sinh, những danh nhân nổi tiếng như Nguyễn Trãi, Vũ Mong Nguyễn, Lí Tử Tân đều thi đỗ những khoa thi này. Hồ Quý Ly cũng là người dùng nhiều nho sĩ và tiến hành cải cách đất nước theo Nho học.

Cho đến đầu thời Lê Sơ, các vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông đã có những đóng góp đưa Nho giáo đi sâu vào đời sống xã hội nhưng Nho giáo vẫn chưa thật sự hòa nhập vào đời sống văn hóa tinh thần của người dân, còn trong tầng lớp cầm quyền, ngay ở triều đình, nho thuật, nho sĩ cũng chưa được coi trọng đúng mức.

Sang đến triều đại Lê Thánh Tông (1460 - 1497), tinh thần giáo dục Nho học đã có sự biến chuyển vượt bậc. Lê Thánh Tông tên thật là Lê Tư Thành, hiệu Thiên Nam động chủ. Ông sinh ngày 20 tháng 7 năm Đại Bảo thứ 3 (1442) và mất năm Hồng Đức thứ 28 (1497). Lê Thánh Tông là con thứ tư của vua Lê Thái Tông, mẹ là bà Ngô Thị Ngọc Dao. Tên tuổi và sự nghiệp của vua Lê Thánh Tông gắn chặt với một giai đoạn phát triển cực thịnh của đất nước. Lê Thánh Tông lên ngôi vua năm 1460, hai lần đổi niên hiệu Quang Thuận (1460 - 1469) và Hồng Đức (1470 - 1497). Trong ba mươi tám năm trị vì, ông đã đưa triều Lê phát triển tới đỉnh cao về mọi mặt chính trị, xã hội, kinh tế, an ninh quốc phòng, văn hóa, giáo dục đã mở ra thời kì phát triển vào bậc nhất trong lịch sử. Là một nhà vua anh minh, chăm học, cẩn mẫn và có tài trong công việc triều chính, Lê Thánh Tông đóng vai trò quan trọng đưa đất nước nửa cuối thế kỉ XV vào thế ổn định, có kỉ cương, luật pháp.

Lê Thánh Tông từ nhỏ là người đã được học tập, nghiên cứu sách sử Nho gia nên ngay sau khi lên ngôi vua, từ những kinh nghiệm và bài học của các triều vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông để lại, ông đã thấy được mặt tích cực của Nho giáo, đưa Nho giáo lên vị trí độc tôn và chế độ quân chủ đạt đến sự thịnh trị. Vua Lê Thánh Tông là người “bẩm tính sinh ra đã biết mà sớm khuya không lúc nào rời sách vở, tài năng lỗi lạc trời cho mà chế tác lại càng đặc biệt lưu tâm, ưa điều thiện, thích người hiền, chăm chăm không hề biết mỏi” [1]. Ông chủ trương

dùng Nho giáo để thống nhất học thuật và giáo dục đào tạo trong cả nước. Ông nhận thấy chỉ có Nho giáo mới có thể củng cố được bộ máy nhà nước tập quyền quan liêu, củng cố nền thống trị của một đất nước nông nghiệp, lập ra trật tự, kỉ cương trong đời sống xã hội.

Sau khi lên ngôi vua, Lê Thánh Tông đã nhận thức được tầm quan trọng của tầng lớp trí thức trong công cuộc xây dựng đất nước, nên ngay từ đầu ông đã chú trọng giáo dục khoa cử, coi trọng con đường khoa cử là con đường chính thức để lựa chọn và đào tạo nhân tài. Để làm được điều đó, Lê Thánh Tông đã cho xây dựng hệ thống trường học, đội ngũ giảng dạy từ trung ương đến địa phương, ra sức chỉ đạo việc học tập, giáo dục con đường khoa cử lấy Nho học làm trung tâm. Giáo dục đào tạo lấy việc bồi dưỡng giáo dục nhân tài làm điều trọng yếu. Thân Nhân Trung trong bài văn bia khoa Đại Bảo thứ ba (1442) viết: “Hiển tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thể nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thể nước yếu rồi xuống thấp. Vì thế, các đấng Thánh Đế vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng” [2].

Giáo dục là một trong những vấn đề trọng yếu trong việc phát triển của một quốc gia. Một nhà nước đề cao Nho thuật càng cần trọng giáo dục hơn nữa, vì Nho giáo là học thuyết coi trọng giáo dục, đưa giáo dục lên vị trí hàng đầu. Mặt khác giáo dục cũng là con đường truyền bá, là cách thức thực hành giáo hóa. Điều này đã được thể hiện trong bài Văn sách đình đối của Trạng nguyên Vũ Tuấn Chiêu, khoa thi Ất Mùi niên hiệu Hồng Đức (1475) có đoạn: “Trị nước lấy Nho thuật làm đầu, trí trị lấy dùng Nho làm gốc. Phàm đạo đức, nhân, nghĩa, lễ, nhạc, hành chính đều là Nho thuật cả. Lớn lao thay Nho thuật! Có thể dùng là chuẩn đích giúp đời nuôi dân. Rộng rãi thay Nho thuật! Có thể dùng làm cầu bến lập trị trừ họa. Thông suốt cả trời, đất, người là Nho, có thể có dụng gọi là Nho, xem một thiên Nho hạnh trong Lễ kí thì thấy được thực hiệu của Nho thuật có ích cho quốc gia,... dựng mục thước cho dân, mở nền thái bình cho muôn đời. Công dụng lớn như vậy thì phạm bậc trị thiên hạ quốc gia, ai có thể bỏ mà không dùng?” [3]. Trạng nguyên Vũ Kiệt trong khoa thi Nhâm Thìn niên hiệu Hồng Đức (1472) cũng thể hiện quan điểm này: “Nho thuật không được coi trọng thì giáo hóa không được sáng sủa, nhân tài không phát triển, không lấy gì để được dựng cương thường muôn thuở, khơi dẫn nguyên khí của quốc gia” [4].

2.2. Những biện pháp, chính sách thu hút người học được thực thi nhằm mục đích nâng cao giáo dục đào tạo người học

Để nâng cao việc giáo dục đào tạo người học, dưới thời Lê Thánh Tông, Quốc Tử Giám và Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long được tu bổ. Thời Lí, vua Lí Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu ở kinh thành Thăng Long để thờ Khổng Tử, Chu Công, “tứ phối” và “thất thập nhị hiền”, đưa hoàng thái tử đến đây học, mở ra “trường đại học đầu tiên” của cả nước. Khi Lê Thánh Tông lên trị vì, để cao giáo dục đào tạo người học trong công cuộc xây

dựng đất nước, ông đã cho sửa sang và xây dựng lại Văn Miếu - Quốc Tử Giám cùng cố công cuộc xây dựng đất nước. Năm 1463, triều đình cho xây dựng lại Văn Miếu - Quốc Tử Giám, sửa chữa nhà Thái học vào năm 1483. Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là nơi thờ Khổng Tử và các hiền nho mà còn là nơi học tập và giảng dạy cho các hoàng tử và nho sinh, nơi để danh những tên tuổi nổi tiếng trong học tập và thi cử của những người có trình độ Nho học uyên thâm. Cùng với đó là hệ thống Văn Miếu ở các phủ, huyện, đạo thừa tuyên cũng được sửa chữa, xây dựng để tạo đà phát triển nền giáo dục khoa cử Nho học của từng địa phương. Đồng thời với việc tăng cường giáo dục, học tập và khoa cử Nho học, Lê Thánh Tông đã tôn vinh Khổng Tử, ông tổ của Nho học bằng việc định thời gian tế lễ Khổng Tử ở các phủ, huyện.

Lê Thánh Tông đặc biệt chú trọng đến sức ảnh hưởng của việc học tập đối với người học, ông cùng với các đại thần trong triều đình tổ chức vinh danh Tiến sĩ - những người học Nho học có công trong việc xây dựng đất nước. Lê Thánh Tông đã cho lập bia Tiến sĩ. Năm 1442, bia Tiến sĩ đầu tiên được lập. Năm 1484, Lê Thánh Tông lệnh cho truy tìm biên soạn họ tên, khoa thi những người đỗ tiến sĩ của 9 khoa từ năm 1442 đến năm 1484 để khắc vào bia đá.

Trong quá trình đào tạo người học, Lê Thánh Tông đặc biệt chú trọng vai trò của người thầy. Đạo làm thầy được coi là then chốt trong sự nghiệp giáo dục Nho học và đào tạo nhân tài thời Lê Thánh Tông. Một hệ thống giáo dục từ trung ương đến địa phương chỉ có hiệu quả khi người thầy luôn được coi trọng, khuôn mẫu người thầy trở thành yếu tố quyết định trong giáo dục, nhất là thời đại lấy đạo đức nhân cách làm nội dung chính của giáo dục: "Người thầy làm nhiệm vụ truyền đạo, thụ nghiệp, nêu lên những chỗ lỗi lầm, giải thích những điều tồn nghi trong sách vở. Các ngành, các nghề, kể cả học những nghề vụn vặt cũng không thể không có thầy được, huống hồ người theo đạo Nho" [5] hoặc người thầy được coi là trụ cột vững chắc trong sự nghiệp giáo dục: "Tất cả bởi đạo làm thầy đứng vững nên người giỏi mới nhiều" [6].

Thời Hồng Đức đặt chức Ngũ kinh bác sĩ nhằm dạy *Ngũ kinh*, nâng cao và chuyên môn hóa từng kinh truyện cho các học quan. Lê Thánh Tông cũng chú ý đến giáo dục địa phương, quan Huấn đạo các xứ cũng qua khảo xét kĩ do Quốc Tử Giám tổ chức việc tuyển chọn. Người được chọn phải từ ba mươi lăm tuổi trở lên, phẩm hạnh, học vấn cao và không phạm lỗi. Việc tuyển chọn quan chức, thầy dạy học theo phương thức Nho học vẫn được duy trì đều đặn, điều đó chứng tỏ việc giáo dục theo con đường Nho học vẫn luôn được coi trọng.

Để không lãng phí và bỏ sót nhân tài, Lê Thánh Tông đã đặt ra lệ bảo cử. Công việc bảo cử chỉ được áp dụng với những chức vụ đang bị khuyết thiếu. Theo Bộ luật Hồng Đức, điều 174 quy định: "Những người làm nhiệm vụ bảo cử mà không cử được người giỏi thì bị biếm chức hoặc phạt theo luật nặng nhẹ; nếu vì tình riêng mà hoặc lấy tiền thì xử tội nặng thêm hai bậc". Để đảm bảo người được bảo cử thực sự có năng lực, tài năng giúp việc cho triều đình, người đứng ra bảo cử phải có năng lực cũng như phải dùng phẩm hàm, tước vị của bản thân mình

chứng minh được năng lực của người được bảo cử xứng đáng với vị trí mà họ được nhận. Chính điều này đã phát hiện và thu hút được rất nhiều người học có năng lực ở các địa phương chưa được chú ý, họ cố gắng phấn đấu học tập để có điều kiện thi thố tài năng khi triều đình cần đến họ.

Lê Thánh Tông không sử dụng chế độ bổ dụng các vương hầu, quý tộc của triều đình vào các chức vụ quan trọng của đất nước. Những người được ban nhiều bổng lộc, quyền lợi lớn hơn các vị quan chức đại thần có công với đất nước nhưng không thi đỗ qua các kì thi Nho học cũng không được bổ nhiệm làm quan và hưởng lương bổng như những vị quan trong triều đình. Lê Thánh Tông chỉ lấy những quan chức thực sự có khả năng có thể đảm đương gánh vác công việc của triều đình. Tất cả những vị quan nắm giữ các chức vụ quan trọng trong triều đình đều phải thông qua thi cử Nho học, vượt qua các kì thi tuyển hàng năm của địa phương và triều đình. Với chính sách này đã giúp cho con em những nhà thường dân có cơ hội thi thố tài năng, mang những hiểu biết và những điều học được trong trường học và thực tế cuộc sống để xây dựng Đại Việt, giúp cho đất nước có một đội ngũ quan liêu đông đảo và tài năng. Chính sách cải cách quan trọng này đã loại bỏ được những thân vương, công hầu nắm giữ quyền lực cả về kinh tế và chính trị trong các vương triều trước đây, giúp cho Đại Việt có được những viên quan có tài năng thực sự xây dựng đất nước.

2.3. Những thành tựu đạt được trong giáo dục khoa cử Nho học thời Lê Thánh Tông

Thời Lê Thánh Tông, chế độ khoa cử Nho học đã được mở rộng và đi vào nề nếp. Thi cử là phương pháp hữu hiệu nhất để lựa chọn được những nhân tài xứng đáng làm rường cột cho triều đình nhà Lê Sơ. Ông mong muốn tìm được những nho sĩ xuất sắc trong giới trí thức Nho học, những trí thức này được lựa chọn kĩ càng để tham gia vào các công việc triều chính của đất nước. Lê Thánh Tông từng nói: "Phải xét những người biết chữ, có tài cán mới nên lưu lại để tiện cho việc xét đoán cáo trình các việc và tiện cho dân. Nếu không biết chữ thì cho nghỉ". Để làm được điều này, Lê Thánh Tông cùng với các quan đại thần đã cho tổ chức nhiều cuộc thi Nho học từ các cấp ở địa phương cho đến trung ương với mong muốn tìm được người tài cho Đại Việt.

Thời Hồng Đức (1460 - 1497), thời kì trị vì của vua Lê Thánh Tông được coi là thời cực thịnh của khoa cử Việt Nam, cách lấy đỗ rộng rãi, công bằng, cách ra đề thi rõ ràng, không tìm những câu hỏi hiểm hóc nên kẻ sĩ có tài không bị bỏ sót. Chế độ khoa cử phong kiến Việt Nam trải 844 năm có tất cả 2898 Tiến sĩ, 46 trạng nguyên, riêng thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) tổ chức được 12 khoa thi Tiến sĩ, lấy đỗ 502 Tiến sĩ, 9 Trạng nguyên. Vua Lê Thánh Tông định lệ đều đặn cứ ba năm mở một kì thi, 9 Trạng nguyên thời Lê Thánh Tông đều là những nhân tài công hiến năng lực của mình cho đất nước: Lương Thế Vinh, Vũ Kiệt, Vũ Tuấn Chiêu, Phạm Đôn Lễ, Nguyễn Quang Bật, Trần Sùng Dĩnh, Vũ Duệ, Vũ Dương và Nghiêm Viện. Số người đỗ Tiến sĩ dưới thời trị vì của vua Lê Thánh Tông bằng bốn lần số Tiến sĩ của các triều đại Lý, Trần, Hồ đào tạo trong 397 năm. Thành tựu về các



kì thi Hội dưới triều vua Lê Thánh Tông được ghi nhận trong các sách sử:

Khoa Quý Mùi, Quang Thuận thứ tư (1463), có 4400 người dự thi, lấy đỗ 44 Tiến sĩ; Khoa Bính Tuất, Quang Thuận thứ bảy (1466), khoa này có 1100 người thi, lấy đỗ 27 Tiến sĩ; Khoa Kí Sửu, Quang Thuận thứ mười (1469), lấy đỗ 22 Tiến sĩ; Khoa Nhâm Tuất, Hồng Đức thứ ba (1472), lấy đỗ 27 Tiến sĩ; Khoa Ất Mùi, Hồng Đức thứ sáu (1475), số người dự thi hơn 3200 người, lấy đỗ 43 Tiến sĩ; Khoa Mậu Tuất, Hồng Đức thứ chín (1478), lấy đỗ 62 Tiến sĩ; Khoa Tân Sửu, Hồng Đức thứ mười hai (1481), có hơn 2000 người dự thi, lấy đỗ 40 Tiến sĩ; Khoa Giáp Thìn, Hồng Đức thứ mười lăm (1484), lấy đỗ 44 Tiến sĩ; Khoa Đinh Mùi, Hồng Đức thứ mười tám (1487), lấy đỗ 60 Tiến sĩ; Khoa Canh Tuất, Hồng Đức thứ hai mươi mốt (1490), lấy đỗ 54 Tiến sĩ; Khoa Quý Sửu, Hồng Đức thứ hai mươi tư (1493), lấy đỗ 48 Tiến sĩ; Khoa Bính Thìn, Hồng Đức thứ hai mươi bảy (1496), lấy đỗ 30 Tiến sĩ.

Với số lượng thí sinh dự thi lớn như vậy cho thấy người tham gia học tập là rất đông đảo, giáo dục khoa cử thời Lê Thánh Tông đã phát triển đến mức rất cao. Do vậy, nhà sử học Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* đã ca ngợi: “Khoa cử các đời thịnh nhất là đời Hồng Đức. Cách lấy đỗ rộng rãi, cách chọn người công bằng, đời sau càng không thể theo kịp. Kẻ sĩ bấy giờ học được rộng mà không cần phải tìm tòi tỉ mỉ. Tài được đem ra ứng dụng mà không bỏ rơi. Trong nước không bỏ sót nhân tài. Triều đình không dùng người kém”.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong khoa cử phải kể đến chất lượng giáo dục đào tạo thời Hồng Đức, Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* viết, ngay cả người Trung Quốc cũng phải khen ngợi: “Lối văn tứ lục, những câu đối nhau có nhiều câu hay” hoặc nói về khoa thi Hương năm Tân Mão, niên hiệu Hồng Đức thứ hai (1471) cũng viết: “Trường nhất thi bốn bài kinh nghĩa về Tứ thư, năm bài kinh nghĩa về Ngũ kinh. Trường nhì thi chế, chiếu, biểu, mỗi môn một bài. Trường ba thi thơ và phú, mỗi môn một bài. Trường bốn thi một văn sách trường thiên. Phép tắc thi lấy nhân tài lại có phần tương tạn hơn

cả Trung Quốc. Những câu liên cú trong bài biểu, bài phú có nhiều câu rất hay”. Để tiện cho việc học tập của người học đạt kết quả tốt nhất, dưới thời Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức, hằng năm phát hành sách cho các phủ như: *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Ngọc đường văn phạm*, *Văn hiến thông khảo*, *Văn tuyển và Cương mục*. Học quan dựa vào những sách này để giảng dạy, kẻ sĩ căn cứ vào những kiến thức này để rèn luyện kiến thức, bồi bổ thực tài, khoa cử do đó mà được nhân rộng để lấy nhân tài.

3. Kết luận

Sau khi lên ngôi vua, với tinh thần hiếu học và hiểu biết rộng rãi, lại ở cương vị đứng đầu quốc gia, vua Lê Thánh Tông đã nhận thức được tầm quan trọng của trí thức trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Ông đã kế thừa tinh thần coi trọng công việc khoa cử, coi trọng sự nghiệp giáo dục đào tạo nhân tài của các vị vua tiền nhiệm. Với tài năng của mình, ông đã đưa đất nước đến đỉnh cao của sự thịnh trị. Với việc giáo dục Nho học và những chính sách đào tạo thu hút nhân tài của mình, Lê Thánh Tông đã tạo nên nền trí thức vững mạnh thời kì Hồng Đức, giúp cho đất nước phát triển mạnh mẽ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Huy Chú, (2014), *Lịch triều hiến chương loại chí*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr.206.
- [2]. Lê Quý Đôn, (1997), *Kiến văn tiểu lục*, Lê Quý Đôn toàn tập, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.221, tr.221.
- [3]. Ngô Sĩ Liên, (1985), *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.392.
- [4]. Nguyễn Văn Thịnh, (1996), *Bước đầu tìm hiểu văn chương khoa cử thời Lê Sơ*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Văn bia Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, (1978), in trong *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, Thân Nhân Trung soạn, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.96.
- [6] Viện sử học, (2013), *Quốc triều hình luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr.102.

EDUCATION OF CONFUCIANISM AND POLICIES ON ATTRACTING TALENTED PERSONS IN LE THANH TONG PERIOD

NGUYEN THI THANH VAN
 Hanoi Pedagogical University 2
 Email:ntvan2002hn@yahoo.com

Abstract: *Le Thanh Tong is a smart, hard-working, industrious and talented king in the national affairs. Le Thanh Tong played an important role in bringing Vietnam into the last half of the fifteenth century in a stable and disciplined status. He was not only an excellent king, a talented politician, who held the leading position in the construction and strengthening of the feudal State of Vietnam but also a great culture person, a talented writer and poet, had great merit in education and training for talented persons. In his political career, Le Thanh Tong was the man who brought education into order and rule and took over 500 doctors - a never seen record in Vietnamese feudal dynasties. In this article, the author mentions education of Confucianism and policies on attracting talented persons in his period.*

Keywords: *Education; Confucianism; policies; attraction; talented persons; Le Thanh Tong.*